

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 12/02/2020

*" Tranh chấp hợp đồng vay
và hợp đồng góp hui "*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Văn Dũng.

- Ông Châu Khiêng Sốc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Ngày 12/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên Tòa số: 09/QĐST – DS ngày 17/01/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp O, xã Ph, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Có bà Lê Thị Ng, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp Phnôm Pi, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, An Giang, đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2019.

Bị đơn:

- Ông Dương Xuân L, sinh năm 1983;

- Bà Hà Thị Kim O (*Hằng*), sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp Gi, xã Tr, huyện Tri Tôn, An Giang

Bà Ng ,ông L có mặt, bà O vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày:

Bà Th và ông L, bà O là chỗ quen biết, bà Th tin tưởng ông L, bà O, do vậy khoảng tháng 8 năm 2017 bà Th có tham gia chơi hụi và mua hụi lại của bà O số tiền 99.300.000 (*chín mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng*) nay hụi đã mãn, đồng thời bà Th cũng cho bà O và ông L vay số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu đồng*) không có lãi. Tổng số tiền mua, tham gia chơi hụi và tiền vay ông L bà O nợ bà Th số tiền 129.300.000 (*đồng một trăm hai mươi chín triệu ba trăm ngàn*). Tuy nhiên trong quá trình chơi hụi và vay tiền ông L và bà O không thực hiện đúng như lời hứa, Bà Th nhiều lần gặp trực tiếp ông L và bà O yêu cầu trả số tiền nêu trên nhưng ông L và bà O hứa trả nhưng không thực hiện.

Đến ngày 18/7/2018 bà Th gặp trực tiếp bà Hà Thị Kim O yêu cầu trả số tiền 129.300.000 (*đồng một trăm hai mươi chín triệu ba trăm ngàn*) như bà O lại hứa và tự nguyện làm giấy cam kết trả nợ, phương thức trả hàng tháng 2.000.000 (*hai triệu đồng*)/tháng đến khi dứt nợ, tuy nhiên đến nay bà O cũng như ông L không thực hiện theo giấy cam kết ngày 18/7/2019; làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Th.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn buộc ông Dương Xuân L và bà Hà Thị Kim O trả tôi một lần số tiền 129.300.000 đồng cho bà Th và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn: Tại phiên Tòa ông Dương Xuân L trình bày: Ông và bà O là vợ chồng, vừa qua ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc công bố chứng cứ, hòa giải, giấy triệu tập của tòa án, tuy nhiên do bận nhiều công việc, ông không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án. Đối với bà Hà Thị Kim O hiện nay ông chỉ biết là đang sống ở Bình Dương cùng anh em bên vợ làm công nhân trong công ty, không biết rõ địa chỉ; ông có liên hệ với bà O qua trung gian anh em bên vợ qua điện thoại, thông báo về việc vợ chồng bị bà Th khởi kiện, tòa án thụ lý nhưng bà O không chịu nghe máy.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, yêu cầu ông và bà O có trách nhiệm liên đới trả số tiền 129.300.000 đồng trong đó 99.300.000 đồng tiền tham gia chơi hụi và mua hụi và 30.000.000 đồng là tiền vay do bà O ký làm biên nhận ngày 18/7/2018, số tiền của bà O tham gia hụi, mua bán hụi cũng như vay nợ của bà Th là ông không biết, bà O không có dùng số tiền trên trong sinh hoạt gia đình, cũng như mua sắm tài sản trong gia đình đây là nợ riêng của bà O. Ông không đồng ý yêu cầu của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà O và ông L cư trú: Tổ 12, ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn bà O và anh L. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông L có mặt bà O vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị Th và bà Hà Thị Kim O, ông Dương Xuân L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi theo Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Th yêu cầu bà O và ông L trả số tiền 129.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 18/7/2018 đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nga rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Ông L bà O trả số tiền 129.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện đình đọat của đương sự theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chứng cứ mà bà Lê Thị Th cung cấp là giấy cam kết trả nợ ngày 18/7/2018 có thể hiện số tiền 129.300.000 đồng có thể hiện chữ ký của của bà Hà Thị Kim O.

Tại phiên Tòa, Ông L cho rằng việc bà Lê Thị Th cho vợ ông (bà O) vay số tiền 30.000.000 đồng và tham gia chơi hụi, mua hụi số tiền 99.300.000 đồng là ông không biết, vì bà O không nói với ông, hiện tại bà O không còn ở địa phương, đã bỏ địa phương đi khoảng tháng 7 năm 2018 ông không biết rõ địa chỉ mới của bà O. Ông chỉ biết là bà O đang sống ở Bình Dương cùng anh em bên vợ làm công nhân trong công ty, không biết rõ địa chỉ; ông có liên hệ với bà O qua trung gian anh em bên vợ qua điện thoại, thông báo về việc vợ chồng bị bà Th khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th yêu cầu ông và bà O có trách nhiệm liên đới trả số tiền 129.300.000 đồng chứng cứ do bà O ký làm biên nhận nợ ngày 18/7/2018, ông không biết và cũng không có liên quan đây là nợ riêng của bà O; ông không đồng ý yêu cầu của bà Th.

Xét lời trình bày của ông L tại phiên Tòa, và chứng cứ mà bà Lê Thị Th cung cấp là giấy cam kết trả nợ ngày 18/7/2018 có thể hiện số tiền 129.300.000 đồng chỉ có thể hiện chữ ký của của bà O, không có chữ ký xác nhận của ông L, đồng thời tại phiên tòa ông L không thừa nhận nợ và không có tham gia chơi hụi với bà Th, ông cho rằng đây là nợ riêng của bà O, số tiền mà bà O tham gia chơi hụi; vay nợ của bà Th không có dùng trong sinh hoạt gia đình, cũng như mua sắm tài sản trong gia đình, do vậy ông không đồng ý yêu cầu của bà Th về việc buộc ông có trách nhiệm trả số tiền

129.300.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà Th yêu cầu ông L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 129.300.000 đồng là không đủ chứng cứ chấp nhận.

Như vậy có đủ cơ sở xác định bà O có nợ bà Th số tiền 129.300.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Th khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 14 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ về Họ, Họ, Biếu, Phường.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Th.

Buộc bà Hà Thị Kim O trả cho bà Lê Thị Th số tiền 129.300.000 (*một trăm hai mươi chín triệu ba trăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà O phải chịu án phí số tiền 6.465.000 (*sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn*) đồng.

Bà Lê Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền: 3.232.500 (*ba triệu hai trăm ba mươi hai ngàn năm trăm*) đồng; theo biên lai thu tiền số: TU/2016/0012033 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh